



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Toán - K.19 - Lớp 1 (DT01191)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119010001	Phạm Ngọc Tuấn	Anh	10/01/2001	72	Khá
2	3119010002	Phan Nguyễn Kiều	Anh	31/01/2001	63	Trung bình
3	3119010003	Phan Nguyễn Ngọc	Anh	28/09/2001	67	Khá
4	3119010005	Bùi Minh	Châu	03/06/2001	76	Khá
5	3119010006	Huỳnh Thành	Đạt	18/05/2001	73	Khá
6	3119010007	Nguyễn Huỳnh Phúc	Đạt	19/10/2001	90	Xuất sắc
7	3119010008	Tăng Thành	Đạt	12/01/2001	66	Khá
8	3119010009	Trần Minh	Đức	26/07/2001	63	Trung bình
9	3119010010	Lưu Thị Thanh	Hằng	29/01/2000	73	Khá
10	3119010011	Lê Mạnh	Hoàng	04/02/2001	73	Khá
11	3119010013	Nguyễn Đức	Huy	20/01/2001	58	Trung bình
12	3119010014	Nguyễn Hoàng	Khải	11/02/2001	73	Khá
13	3119010015	Nguyễn Phúc Anh	Khoa	18/11/2001	73	Khá
14	3119010016	Trần Hoàng	Khoa	11/08/2001	65	Khá
15	3119010017	Tạ Ngân Minh	Khôi	27/09/2001	74	Khá
16	3119010018	Phan Công	Kiên	02/09/1992	73	Khá
17	3119010019	Phạm Thị Thúy	Liều	16/08/2001	67	Khá
18	3119010020	Trần Phước	Lộc	29/11/2001	80	Tốt
19	3119010021	Đoàn Hoàng	Minh	19/01/2001	65	Khá
20	3119010022	Trương Nhật	Minh	24/09/2001	50	Trung bình
21	3119010023	Lê Xuân	Mộng	11/03/1995	82	Tốt
22	3119010024	Nguyễn Thị Yến	My	23/06/2001	63	Trung bình
23	3119010026	Trần Thanh	Nam	16/09/2001	67	Khá
24	3119010028	Nguyễn Hiếu	Nhân	16/11/2001	73	Khá
25	3119010029	Nguyễn Hoàng	Nhân	21/11/2001	73	Khá
26	3119010030	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	11/09/2001	73	Khá
27	3119010031	Dur Thiện	Như	28/06/2001	71	Khá
28	3119010032	Nguyễn Thị	Nở	14/08/2000	100	Xuất sắc
29	3119010034	Trần Quang	Phú	14/02/2001	71	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Toán - K.19 - Lớp 1 (DTO1191)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119010035	Lý Nhật Bảo	Phương	28/09/2001	71	Khá
31	3119010036	Nguyễn Trúc	Phương	14/06/2001	73	Khá
32	3119010037	Đặng Trần Bích	Phượng	02/08/2001	79	Khá
33	3119010038	Tạ Hoàng Kim	Phượng	11/10/2001	71	Khá
34	3119010039	Khấu Minh	Quân	23/12/2000	63	Trung bình
35	3119010041	Võ Thành	Tài	28/08/2001	75	Khá
36	3119010042	Trần Quốc	Thái	29/12/2001	63	Trung bình
37	3119010043	Nguyễn Thị Phương	Thanh	13/10/2001	63	Trung bình
38	3119010044	Trần Lê Thanh	Thảo	05/05/2001	73	Khá
39	3119010045	Trần Thị Thanh	Thảo	19/05/2000	74	Khá
40	3119010046	Trần Trung	Thiện	23/07/2001	70	Khá
41	3119010047	Trần Thành	Thống	31/12/2001	100	Xuất sắc
42	3119010049	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	17/03/2001	73	Khá
43	3119010050	Nguyễn Thị Kiều	Thương	02/06/2001	72	Khá
44	3119010051	Nguyễn Hoàng	Trí	12/04/1997	68	Khá
45	3119010052	Phạm Minh	Trí	06/08/2001	73	Khá
46	3119010053	Nguyễn Lê Phương	Trúc	27/09/2001	70	Khá
47	3119010054	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	23/06/2001	70	Khá
48	3119010057	Trần Lê Anh	Tuấn	30/10/2001	60	Trung bình
49	3119010058	Trần Lưu Chí	Tường	19/03/2001	77	Khá
50	3119010059	Nguyễn Lê Phượng	Uyên	10/10/2001	96	Xuất sắc
51	3119010060	Hồ Nhật	Vy	25/09/2001	73	Khá
52	3119010061	Lý Ngọc	Vy	21/11/2001	81	Tốt
53	3119010062	Mạnh Ngọc Trúc	Vy	30/10/2001	67	Khá
54	3119010063	Phạm Hà	Vy	16/03/2001	63	Trung bình
55	3119010064	Trương Cát	Vy	04/01/2001	100	Xuất sắc



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Toán - K.19 - Lớp 1 (DTO1191)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 55 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	5	9,1
Tốt	3	5,5
Khá	37	67,3
TB	10	18,2
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Toán - K.20 - Lớp 1 (DT01201)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120010001	Nguyễn Hoàng Kim	Anh	28/05/2002	70	Khá
2	3120010002	Trần Văn	Anh	17/08/2002	65	Khá
3	3120010004	Nguyễn Gia	Bảo	13/10/2002	71	Khá
4	3120010005	Trịnh Minh	Bảo	05/10/2002	67	Khá
5	3120010006	Văn Công	Bảo	28/12/2002	70	Khá
6	3120010007	Nguyễn Thị Bảo	Châu	03/04/2002	71	Khá
7	3120010008	Nguyễn Thị Minh	Châu	23/03/2002	58	Trung bình
8	3120010010	Nguyễn Thanh	Duy	20/01/2002	68	Khá
9	3120010011	Phạm Tấn Anh	Duy	27/04/2002	68	Khá
10	3120010012	Nguyễn Thạch	Dương	23/11/2002	65	Khá
11	3120010013	Lê Huỳnh	Đức	28/12/2002	65	Khá
12	3120010014	Lê Hữu	Đức	21/12/2002	70	Khá
13	3120010015	Nguyễn Thị Hà	Giang	18/09/2002	66	Khá
14	3120010016	Nguyễn Văn	Giàu	01/03/2002	77	Khá
15	3120010017	Trần Mạnh	Hào	16/07/2001	63	Trung bình
16	3120010019	Lê Trung	Hiếu	29/08/2002	72	Khá
17	3120010020	Đỗ Đức	Khải	18/12/2000	63	Trung bình
18	3120010021	Nguyễn Gia	Khánh	01/11/2002	70	Khá
19	3120010022	Trương Đăng	Khoa	27/08/2002	65	Khá
20	3120010023	Đinh Tuyết	Linh	25/11/2002	94	Xuất sắc
21	3120010024	Hồ Thị Ngọc	Mai	10/05/2002	98	Xuất sắc
22	3120010025	Liêu Gia	Minh	16/03/2002	57	Trung bình
23	3120010026	Mai Quang	Minh	18/11/2002	58	Trung bình
24	3120010027	Nguyễn Thanh	Ngân	14/07/2002	100	Xuất sắc
25	3120010029	Nguyễn Đình	Nguyên	03/03/2002	80	Tốt
26	3120010030	Phùng Thiện	Nhân	29/07/1997	62	Trung bình
27	3120010031	Nguyễn Hoàng Sinh	Nhật	26/03/2002	70	Khá
28	3120010032	Bùi Tấn	Phát	28/07/2002	65	Khá
29	3120010033	Dương Đức	Phát	04/03/2002	100	Xuất sắc



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Toán - K.20 - Lớp 1 (DTO1201)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120010034	Nguyễn Tấn	Phát	26/07/2002	70	Khá
31	3120010036	Huỳnh Lâm Sĩ	Phú	28/01/2002	65	Khá
32	3120010037	Nguyễn Ngọc Thu	Phương	26/04/2002	75	Khá
33	3120010038	Cao Minh	Quang	04/12/1990	68	Khá
34	3120010039	Phạm Đăng	Quang	29/03/2002	62	Trung bình
35	3120010040	Nguyễn Hoàng	Quân	12/07/2002	68	Khá
36	3120010041	Phạm Hưng	Quốc	12/07/1997	63	Trung bình
37	3120010042	Lương Bảo	Quý	14/12/2002	100	Xuất sắc
38	3120010043	Nguyễn Thụy Mai	Quỳnh	18/12/2002	99	Xuất sắc
39	3120010044	Phạm Thị Như	Quỳnh	27/12/2002	80	Tốt
40	3120010045	Nguyễn Tuyết	Sương	22/12/2002	67	Khá
41	3120010047	Phạm Đỗ	Tài	20/10/2002	91	Xuất sắc
42	3120010048	Vạng Ngọc	Tài	22/01/1999	0	Kém
43	3120010049	Nguyễn Phan Duy	Tân	14/09/2002	70	Khá
44	3120010050	Thân Trọng	Thành	10/04/2002	67	Khá
45	3120010051	Đỗ Dương Anh	Thảo	09/01/2001	75	Khá
46	3120010052	Huỳnh Thanh	Thảo	29/11/2002	72	Khá
47	3120010053	Trần Thanh	Thắng	08/10/2002	77	Khá
48	3120010054	Huỳnh Trí	Thiện	18/02/2002	65	Khá
49	3120010055	Nguyễn Quốc	Thịnh	09/12/2002	75	Khá
50	3120010056	Son Đức	Thịnh	10/04/2002	100	Xuất sắc
51	3120010057	Nguyễn Tấn	Thọ	09/02/2002	65	Khá
52	3120010058	Đặng Thị Phương	Thùy	17/03/2002	74	Khá
53	3120010059	Đỗ Thị Minh	Thư	02/11/2002	63	Trung bình
54	3120010060	Hồ Thị Minh	Thư	21/02/2002	64	Trung bình
55	3120010061	Võ Hà	Thư	24/12/2002	76	Khá
56	3120010063	Lê Thị	Trang	09/11/2002	70	Khá
57	3120010065	Phạm Hữu	Trung	15/02/2002	70	Khá
58	3120010066	Lâm Lê Thanh	Tuyền	06/10/2002	83	Tốt
59	3120010067	Mâu Thị Bích	Vân	20/06/2002	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Toán - K.20 - Lớp 1 (DTO1201)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 59 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	8	13,6
Tốt	3	5,1
Khá	37	62,7
TB	10	16,9
Yếu	0	0,0
Kém	1	1,7

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Toán - K.21 - Lớp 1 (DT01211)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121010004	Phan Văn	Anh	28/01/2003	55	Trung bình
2	3121010005	Trần Mai	Anh	18/11/2003	0	Kém
3	3121010002	Trương Hải	Châu	01/04/2003	100	Xuất sắc
4	3121010003	Nguyễn Tấn	Dũng	25/10/2003	74	Khá
5	3121010007	Lương Nguyễn Phương	Duy	03/04/2003	53	Trung bình
6	3121010008	Nguyễn Ngọc Bảo	Duyên	09/07/2003	98	Xuất sắc
7	3121010009	Nguyễn Trọng	Đăng	26/10/2003	69	Khá
8	3121010010	Trần Nguyễn Lâm	Hà	06/09/2003	75	Khá
9	3121010011	Lê Hoàng	Hạc	16/05/1994	72	Khá
10	3121010013	Đặng Nguyễn Gia	Huy	03/02/2003	63	Trung bình
11	3121010014	Mai Nhật	Huy	24/05/2003	69	Khá
12	3121010015	Nguyễn Thành	Huy	07/10/2003	77	Khá
13	3121010016	Nguyễn Minh	Khang	03/01/2003	100	Xuất sắc
14	3121010017	Nguyễn Thị Cẩm	Khánh	12/12/2003	58	Trung bình
15	3121010018	Huỳnh Đăng	Khoa	28/09/2003	83	Tốt
16	3121010019	Trịnh Văn	Lam	18/02/2003	60	Trung bình
17	3121010020	Lê Thị Yến	Linh	26/12/2003	76	Khá
18	3121010021	Phạm Bảo	Lộc	20/07/2003	70	Khá
19	3121010001	Huỳnh Quang	Minh	17/01/2003	70	Khá
20	3121010022	Trương Trúc	Muội	08/08/2003	53	Trung bình
21	3121010024	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	06/04/2003	77	Khá
22	3121010026	Lê Huỳnh Xuân	Nguyên	30/04/2003	63	Trung bình
23	3121010029	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	24/12/2003	71	Khá
24	3121010030	Lâm Thảo	Như	25/05/2003	68	Khá
25	3121010031	Trương Thanh	Phong	19/09/2003	68	Khá
26	3121010032	Lâm Gia	Phú	13/10/2003	74	Khá
27	3121010033	Lê Kim	Phúc	09/10/1993	78	Khá
28	3121010034	Lê Hải	Phụng	07/01/2003	100	Xuất sắc
29	3121010035	Trần Kim	Phụng	09/12/2003	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Toán - K.21 - Lớp 1 (DT01211)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121010036	Lê Công	Phước	31/03/2003	92	Xuất sắc
31	3121010037	Hồ Thanh	Phương	13/05/2003	77	Khá
32	3121010038	Nguyễn Liên Phúc	Quỳnh	21/01/2002	78	Khá
33	3121010040	Lê Thị Phương	Thảo	20/10/2003	70	Khá
34	3121010041	Nguyễn Tường	Thịnh	13/11/2003	77	Khá
35	3121010042	Nguyễn Ngọc	Tho	14/08/2003	60	Trung bình
36	3121010043	Trần Minh	Thông	04/04/2003	100	Xuất sắc
37	3121010044	Võ Ngọc Thi	Thơ	30/12/2003	68	Khá
38	3121010045	Đào Nguyễn Thanh	Thủy	24/09/2003	53	Trung bình
39	3121010046	Lê Hồng Thanh	Thúy	03/09/2003	69	Khá
40	3121010047	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	14/05/2003	79	Khá
41	3121010048	Nguyễn Võ Anh	Thư	17/07/2003	94	Xuất sắc
42	3121010049	Huỳnh Ngọc Kim	Trang	11/08/2003	68	Khá
43	3121010050	Nguyễn Huyền	Trang	21/06/2003	99	Xuất sắc
44	3121010051	Huỳnh Thị Huyền	Trân	03/07/2003	70	Khá
45	3121010052	Nguyễn Huyền	Trân	22/10/2003	75	Khá
46	3121010053	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	08/01/2003	70	Khá
47	3121010054	Lê Ngọc	Tuyền	13/08/2003	71	Khá
48	3121010055	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên	24/09/2003	65	Khá
49	3121010056	Trần Thị Cẩm	Vân	10/02/2003	92	Xuất sắc
50	3121010057	Nguyễn Thị Tường	Vy	03/12/2003	89	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Toán - K.21 - Lớp 1 (DTO1211)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	9	18,0
Tốt	2	4,0
Khá	29	58,0
TB	9	18,0
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Toán - K.22 - Lớp 1 (DT01221)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122010001	Nguyễn Trường	An	09/03/2004	76	Khá
2	3122010002	Đào Thế	Anh	13/04/2004	80	Tốt
3	3122010003	Nguyễn Hữu	Hoàn	13/09/2004	61	Trung bình
4	3122010004	Nguyễn Việt	Hùng	25/01/2002	73	Khá
5	3122010005	Trần Ngọc	Khánh	01/11/2004	100	Xuất sắc
6	3122010006	Nguyễn Nhật	Minh	06/09/2004	86	Tốt
7	3122010007	Trần Hoàng	Mỹ	16/08/2003	72	Khá
8	3122010008	Ngô Hoàng	Nam	12/07/2001	87	Tốt
9	3122010009	Lê Bảo	Ngọc	09/07/2004	73	Khá
10	3122010010	Hoàng Thị Thảo	Nguyên	26/04/2004	68	Khá
11	3122010011	Lý	Nguyễn	16/11/2004	72	Khá
12	3122010012	Lê Thị Thanh	Nhân	20/12/2004	97	Xuất sắc
13	3121010028	Trương Quyền	Nhân	08/03/2003	60	Trung bình
14	3122010013	Trần Liễu Đại	Phúc	21/02/2004	84	Tốt
15	3122010014	Nguyễn Ngọc Đan	Quế	29/03/2004	79	Khá
16	3122010015	Phạm Thị Phương	Thảo	10/03/2004	53	Trung bình
17	3122010016	Phạm Quang	Thắng	04/04/2004	73	Khá
18	3122010017	Nguyễn Hoàng	Thịnh	03/01/2004	65	Khá
19	3122010018	Nguyễn Nhựt	Tiến	06/07/2004	93	Xuất sắc
20	3122010019	Trần Bảo	Toàn	07/10/2004	90	Xuất sắc
21	3122010020	Huỳnh Lâm Kim	Xuyến	13/09/2003	75	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Toán - K.22 - Lớp 1 (DTO1221)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 21 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	4	19,0
-------	---	------

Tốt	4	19,0
-----	---	------

Khá	10	47,6
-----	----	------

TB	3	14,3
----	---	------

Yếu	0	0,0
-----	---	-----

Kém	0	0,0
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.19 - Lớp 1 (DTU1191)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119480003	Nguyễn Lâm Chí	Bảo	23/08/2001	60	Trung bình
2	3119480005	Trương Thị Kim	Chung	02/06/2001	75	Khá
3	3119480009	Thông Minh	Đình	07/05/2000	78	Khá
4	3119480021	Lê Thị	Huệ	16/10/2001	70	Khá
5	3119480023	Trần Quang	Huy	23/03/2001	53	Trung bình
6	3119480025	Nguyễn Văn Viết	Hưng	19/07/2001	79	Khá
7	3119480027	Đỗ Thành	Khang	26/10/2001	53	Trung bình
8	3119480029	Nguyễn Lý Duy	Khánh	05/06/2001	76	Khá
9	3119480032	Phan Nguyễn Trung	Kiên	07/09/2001	76	Khá
10	3119480034	Nguyễn Thị Thảo	Linh	18/07/2001	55	Trung bình
11	3119480037	Trần Quang	Lộc	14/02/2001	68	Khá
12	3119480041	Võ Thị Thu	Nga	15/09/2001	73	Khá
13	3119480044	Tôn Nữ Thanh	Ngân	16/02/2001	66	Khá
14	3119480046	Ông Gia	Nguyên	26/08/2001	67	Khá
15	3119480051	Lê Thị Quỳnh	Như	21/09/2001	63	Trung bình
16	3119480053	Trần Quỳnh	Như	05/10/2001	78	Khá
17	3119480055	Nguyễn Đặng Hoàng	Oanh	09/05/2001	73	Khá
18	3119480058	Nguyễn Trường	Phát	17/10/2001	78	Khá
19	3119480064	Nguyễn Phi	Phụng	09/09/2001	66	Khá
20	3119480066	Huỳnh Minh	Quang	03/10/2001	74	Khá
21	3119480069	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	26/03/2001	83	Tốt
22	3119480071	Doãn Anh	Tài	23/12/2001	76	Khá
23	3119480073	Ngô Minh	Tấn	31/01/2001	80	Tốt
24	3119480075	Trần Quang	Thái	01/01/2001	74	Khá
25	3119480077	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/07/2000	81	Tốt
26	3119480079	Lê Hoàng	Thịnh	30/05/1999	80	Tốt
27	3119480082	Phan Minh	Thương	13/08/2001	95	Xuất sắc
28	3119480084	Trương Vĩnh	Tiến	14/06/2001	87	Tốt
29	3119480086	Cao Phương	Trang	03/09/2001	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.19 - Lớp 1 (DTU1191)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119480089	Nguyễn Thùy Trang	03/01/2001	70	Khá
31	3119480092	Đậu Thị Ngọc Trâm	16/06/2001	73	Khá
32	3119480094	Dương Thị Ngọc Trinh	13/03/2001	85	Tốt
33	3119480104	Huỳnh Thị Thúy Vân	01/07/2001	71	Khá
34	3119480106	Nguyễn Thị Bích Vân	02/11/2001	68	Khá
35	3119480109	Huỳnh Vũ Phương Vy	01/03/2001	63	Trung bình
36	3119480111	Nguyễn Ngọc Phượng Vy	18/12/2001	82	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 36 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	2,8
Tốt	7	19,4
Khá	22	61,1
TB	6	16,7
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.19 - Lớp 2 (DTU1192)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119480002	Lê Đăng Tuấn	Anh	06/01/2001	85	Tốt
2	3119480004	Tô Gia	Chánh	14/01/2000	73	Khá
3	3119480006	Nguyễn Trí	Dũng	26/09/2001	81	Tốt
4	3119480012	Lý Chí	Hào	24/01/2001	71	Khá
5	3119480014	Nguyễn Thị Kim	Hằng	03/02/2001	73	Khá
6	3119480020	Trương Trần Thanh	Hoàng	20/12/2001	83	Tốt
7	3119480022	Trần Minh	Huy	13/09/2001	65	Khá
8	3119480024	Lữ Thị Thu	Huyền	03/09/2001	73	Khá
9	3119480026	Nguyễn Thị Thanh	Hương	16/05/2001	88	Tốt
10	3119480030	Huỳnh Nguyễn Minh	Khoa	22/11/2001	66	Khá
11	3119480033	Trần Tường	Lim	26/08/2001	88	Tốt
12	3119480036	Nguyễn Trần Thị Ngọc	Loan	20/05/2001	95	Xuất sắc
13	3119480038	Nguyễn Hải	Minh	23/07/2001	65	Khá
14	3119480040	Phạm Hoài	Nam	28/09/1999	88	Tốt
15	3119480042	Lê Khánh	Ngân	15/08/2001	85	Tốt
16	3119480047	Phan Thị Hồng	Nhất	12/02/2001	77	Khá
17	3119480050	Trần Ngọc Phương	Nhi	14/02/2001	75	Khá
18	3119480052	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	13/06/2000	73	Khá
19	3119480054	Lê Thị	Non	30/11/2001	85	Tốt
20	3119480060	Hoàng	Phi	17/10/2001	88	Tốt
21	3119480063	Huỳnh Gia	Phụng	06/12/2001	84	Tốt
22	3119480067	Nguyễn Đình	Quân	17/07/2001	70	Khá
23	3119480070	Nguyễn Hoàng	Sang	31/01/2001	84	Tốt
24	3119480078	Trương Đoàn Thi	Thảo	11/11/2001	72	Khá
25	3119480080	Nguyễn Văn	Thuần	23/08/2001	81	Tốt
26	3119480083	Huỳnh Quang	Tiến	05/12/2001	84	Tốt
27	3119480085	Đinh Thân	Tiếng	03/05/2001	71	Khá
28	3119480087	Đoàn Phạm Thùy	Trang	25/10/2001	66	Khá
29	3119480091	Võ Thị Thùy	Trang	01/02/2001	80	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.19 - Lớp 2 (DTU1192)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119480093	Nguyễn Ngọc Thùy	Trân	05/08/2001	75	Khá
31	3119480095	Đinh Kiều Lan	Trình	25/03/2001	83	Tốt
32	3119480099	Lê Minh	Trường	06/03/2001	68	Khá
33	3119480105	Nguyễn Thanh	Vân	21/01/2001	80	Tốt
34	3119480110	Ngô Yến	Vy	13/09/2001	95	Xuất sắc
35	3119480113	Mai Thị Hồng	Xuyên	16/02/2001	73	Khá

Tổng cộng danh sách này có 35 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	5,7
Tốt	16	45,7
Khá	17	48,6
TB	0	0,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.20 - Lớp 1 (DTU1201)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120480009	Lê Nguyễn Kiều	An	15/09/2001	66	Khá
2	3120480012	Nguyễn Hoàng Xuân	Anh	05/05/2002	74	Khá
3	3120480016	Lại Vĩnh	Bình	31/05/2002	63	Trung bình
4	3120480018	Phạm Hoàng Khánh	Chi	24/08/2002	73	Khá
5	3120480020	Đỗ Tấn	Duy	19/05/2002	65	Khá
6	3120480022	Nguyễn Trần Thái	Dương	30/11/2002	59	Trung bình
7	3120480024	Nguyễn Thanh Tiến	Đạt	23/05/2002	79	Khá
8	3120480026	Nguyễn Thị Thủy	Giàu	04/07/2002	78	Khá
9	3120480028	Lê Trung	Hiếu	10/10/1987	97	Xuất sắc
10	3120480030	Nguyễn Hồ Thanh	Huy	15/11/2001	61	Trung bình
11	3120480032	Trần Gia	Huy	19/04/2002	89	Tốt
12	3120480035	Bùi Thị	Hương	22/11/2002	100	Xuất sắc
13	3120480037	Nguyễn Thị Xuân	Hương	11/11/2002	87	Tốt
14	3120480041	Nguyễn Tấn	Kiệt	27/06/2002	92	Xuất sắc
15	3120480045	Nguyễn Thị Phương	Loan	11/04/2002	65	Khá
16	3120480050	Safiy	Monire	08/11/2002	68	Khá
17	3120480052	Phan Nguyễn Quốc	Nam	13/05/2002	64	Trung bình
18	3120480055	Nguyễn Yến	Nhi	28/04/2002	90	Xuất sắc
19	3120480057	Huỳnh Minh	Như	26/07/2002	84	Tốt
20	3120480060	Nguyễn Quỳnh	Như	16/10/2002	61	Trung bình
21	3120480065	Trương Thị Hoàng	Oanh	10/09/2002	61	Trung bình
22	3120480069	Trương Võ Mỹ	Phương	16/04/2002	100	Xuất sắc
23	3120480075	Bào Thanh	Tâm	13/10/2002	58	Trung bình
24	3120480077	Bùi Thanh	Thảo	02/03/2002	58	Trung bình
25	3120480079	Phạm Huỳnh Thanh	Thảo	28/12/2002	77	Khá
26	3120480007	Trần Mai	Thảo	09/03/2002	63	Trung bình
27	3120480081	Ngô Mai Hữu	Thắng	24/10/2002	64	Trung bình
28	3120480083	Ngô Trần Đông	Thi	30/01/2002	53	Trung bình
29	3120480085	Lê Phước	Thiện	09/10/2002	55	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.20 - Lớp 1 (DTU1201)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120480094	Nguyễn Thị Bích	Trâm	07/09/2002	86	Tốt
31	3120480096	Viên Ngọc	Trâm	28/10/2002	65	Khá
32	3120480101	Đặng Huỳnh Thanh	Trúc	04/05/2002	59	Trung bình
33	3120480106	Tần Anh	Tuấn	29/03/2002	65	Khá
34	3120480109	Phạm Thị Phương	Uyên	14/05/2002	72	Khá
35	3120480111	Lữ Hồng	Vân	20/11/2002	86	Tốt
36	3120480113	Nguyễn Hùng	Việt	30/12/2002	55	Trung bình
37	3120480115	Nguyễn Trường	Vũ	17/05/2002	74	Khá
38	3120480117	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	10/08/2002	70	Khá

Tổng cộng danh sách này có 38 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	5	13,2
Tốt	5	13,2
Khá	14	36,8
TB	14	36,8
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.20 - Lớp 2 (DTU1202)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120480013	Nguyễn Thị Hồng	Anh	17/01/2002	89	Tốt
2	3120480015	Trần Phạm Ngọc	Ánh	22/09/2002	70	Khá
3	3120480017	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	30/08/2002	60	Trung bình
4	3120480023	Trần Minh Phúc	Dương	01/12/2002	65	Khá
5	3120480025	Phạm Vũ Khánh	Đoan	01/02/2002	55	Trung bình
6	3120480029	Nguyễn Công	Hiếu	24/12/2002	53	Trung bình
7	3120480031	Phạm Quang	Huy	10/02/2002	63	Trung bình
8	3120480034	Phan Thị Thanh	Huyền	20/11/2002	53	Trung bình
9	3120480036	Dương Thị	Hương	07/11/2002	61	Trung bình
10	3120480040	Đào Minh	Khôi	06/10/2002	58	Trung bình
11	3120480042	Dương Hải	Lam	09/07/2002	100	Xuất sắc
12	3120480044	Lưu Thị Cẩm	Loan	13/11/2002	60	Trung bình
13	3120480049	Nguyễn Phan Diễm	Mi	21/02/2002	72	Khá
14	3120480051	Nguyễn Huỳnh Kiều	My	26/04/2002	53	Trung bình
15	3120480054	Nguyễn Trương Ánh	Ngọc	27/04/2001	83	Tốt
16	3120480056	Dương Quỳnh	Như	22/05/2002	58	Trung bình
17	3120480061	Trần Ngọc	Như	25/01/2002	65	Khá
18	3120480063	Trần Thị Huỳnh	Như	17/04/2002	60	Trung bình
19	3120480071	Lê Thiệu	Quyên	11/10/2001	78	Khá
20	3120480074	Nguyễn Tấn	Tài	12/11/2002	78	Khá
21	3120480078	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thảo	05/02/2002	71	Khá
22	3120480080	Phạm Thị Thu	Thảo	12/08/2002	69	Khá
23	3120480084	Hồ Văn	Thiện	27/11/2002	55	Trung bình
24	3120480087	Vương Hồng	Thơ	03/12/2002	53	Trung bình
25	3120480091	Hoàng Thị Kim	Thương	13/06/2002	55	Trung bình
26	3120480095	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	23/10/2002	58	Trung bình
27	3120480008	Trần Ngọc Bích	Trâm	02/02/2002	0	Kém
28	3120480097	Lê Ngọc Huyền	Trân	28/04/2002	57	Trung bình
29	3120480100	Đáy Hoàng Thanh	Trúc	19/02/2002	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.20 - Lớp 2 (DTU1202)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120480102	Trần Trung	Trực	31/05/1992	90	Xuất sắc
31	3120480105	Phan Thanh	Tú	29/03/2002	74	Khá
32	3120480107	Cao Thị Ánh	Tuyết	15/10/2002	61	Trung bình
33	3120480110	Vũ Phan Mỹ	Uyên	16/08/2002	72	Khá
34	3120480112	Ngô Thanh	Vân	05/08/2002	55	Trung bình
35	3120480119	Trần Nguyễn Thảo	Vy	26/04/2002	53	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 35 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	5,7
Tốt	2	5,7
Khá	11	31,4
TB	19	54,3
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,9

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.21 - Lớp 1 (DTU1211)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121480003	Nguyễn Thị Lan	Anh	25/12/2003	57	Trung bình
2	3121480005	Nguyễn Quang	Ánh	25/11/2003	55	Trung bình
3	3121480007	Lương Trần Phúc	Bảo	31/05/2003	70	Khá
4	3121480009	Trịnh Nguyên	Bình	26/10/2003	66	Khá
5	3121480011	Trần Chí	Cường	24/08/2003	60	Trung bình
6	3121480013	Cao Thế	Duy	19/05/2003	56	Trung bình
7	3121480015	Huỳnh Nguyễn Phúc	Duyên	22/11/2003	61	Trung bình
8	3121480020	Vũ Hoàng Gia	Hân	03/07/2003	73	Khá
9	3121480022	Huỳnh Thanh	Hiền	26/12/2003	93	Xuất sắc
10	3121480024	Cao Vũ Mạnh	Huy	06/10/2003	68	Khá
11	3121480027	Lý Bá	Khang	18/09/2003	65	Khá
12	3121480029	Nguyễn Anh	Khoa	19/02/2003	92	Xuất sắc
13	3121480033	Nguyễn Tấn	Kim	03/10/2003	57	Trung bình
14	3121480035	Lê Hoàng Gia	Linh	14/07/2003	100	Xuất sắc
15	3121480037	Lưu Hoàng	Long	07/05/2003	78	Khá
16	3121480042	Nguyễn Thị Hồng	Nga	22/01/2003	66	Khá
17	3121480044	Giang Hồng Bảo	Ngân	30/04/2003	78	Khá
18	3121480046	Tô Mỹ	Ngọc	18/06/2002	63	Trung bình
19	3121480048	Võ Lê Huỳnh Thanh	Nhã	01/05/2003	83	Tốt
20	3121480052	Nguyễn Huỳnh Minh	Nhật	10/06/2003	58	Trung bình
21	3121480055	Nguyễn Tấn	Quang	01/06/1995	93	Xuất sắc
22	3121480057	Nguyễn Hữu Đăng	Quý	05/03/2003	59	Trung bình
23	3121480060	Nguyễn Ngọc Bảo	Quỳnh	29/10/2003	67	Khá
24	3121480064	Lê Đức Thành	Tài	10/03/2003	56	Trung bình
25	3121480090	Võ Xuân	Thánh	01/06/2003	58	Trung bình
26	3121480070	Nguyễn Thị Kim	Thoa	15/06/2003	60	Trung bình
27	3121480073	Văn Thanh	Thuận	12/04/2003	85	Tốt
28	3121480075	Lê Thị Sông	Tiền	20/10/2003	63	Trung bình
29	3121480077	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	20/09/1993	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.21 - Lớp 1 (DTU1211)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121480079	Nguyễn Thị Nhã	Trân	18/10/2003	92	Xuất sắc
31	3121480081	Lê Ngọc Anh	Tuấn	19/05/2003	0	Kém
32	3121480083	Nguyễn Thị	Tuyền	06/06/2003	80	Tốt
33	3121480001	Nguyễn Trần Kim	Tuyền	25/01/2003	71	Khá
34	3121480085	Phạm Ngọc Lan	Uyên	13/10/2003	65	Khá
35	3121480087	Phạm Nguyễn Quốc	Việt	13/07/2003	53	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 35 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	5	14,3
Tốt	3	8,6
Khá	12	34,3
TB	14	40,0
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,9

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.21 - Lớp 2 (DTU1212)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121480002	Nguyễn Ngọc	Anh	18/10/2002	67	Khá
2	3121480004	Nguyễn Tuấn	Anh	04/08/2003	55	Trung bình
3	3121480008	Nguyễn Sơn	Bình	01/11/2003	67	Khá
4	3121480010	Nguyễn Việt	Cường	15/06/2003	0	Kém
5	3121480012	Nguyễn Thụy Hoàng	Dung	15/05/2003	79	Khá
6	3121480014	Phan Khánh	Duy	15/06/2003	73	Khá
7	3121480016	Đặng Quốc	Đạt	23/10/2003	45	Yếu
8	3121480021	Phạm Hoa Phúc	Hậu	06/05/2003	58	Trung bình
9	3121480023	Đinh Thị Xuân	Hồng	01/05/2003	58	Trung bình
10	3121480028	Ngô Xuân	Khoa	28/10/2003	60	Trung bình
11	3121480032	Trần Minh	Kiên	03/12/2003	57	Trung bình
12	3121480034	Cao Hoài	Linh	20/03/2003	78	Khá
13	3121480036	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15/08/2003	67	Khá
14	3121480038	Phan Thị Huỳnh	Mai	27/08/2003	100	Xuất sắc
15	3121480043	Trần Nhật Hoàng	Nga	14/11/2003	68	Khá
16	3121480045	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	19/03/2002	70	Khá
17	3121480047	Võ Trung Vĩnh	Nguyên	11/06/2003	58	Trung bình
18	3121480051	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	21/02/2003	62	Trung bình
19	3121480054	Nguyễn Trúc	Phương	30/05/2003	62	Trung bình
20	3121480056	Nguyễn Hồng	Quân	09/10/2001	60	Trung bình
21	3121480061	Nguyễn Đức	Sang	08/11/2003	96	Xuất sắc
22	3121480066	Phạm Thị	Thanh	12/01/2003	57	Trung bình
23	3121480068	Võ Thị Minh	Thảo	14/09/2002	86	Tốt
24	3121480071	Trần Thị Bích	Thoa	10/07/2003	65	Khá
25	3121480074	Phạm Thị Bảo	Thy	16/06/2003	69	Khá
26	3121480076	Hoàng Trọng	Tín	18/05/2003	69	Khá
27	3121480078	Phùng Thị	Trang	03/09/2003	63	Trung bình
28	3121480082	Nguyễn Thanh	Tùng	16/07/2003	70	Khá
29	3121480084	Hồ Thúy	Uyên	16/01/2003	71	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.21 - Lớp 2 (DTU1212)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121480086	Trần Quang Vĩ	30/10/2003	100	Xuất sắc
31	3121480088	Đặng Tường Vy	27/12/2003	73	Khá
32	3121480089	Nguyễn Thúy Vy	22/01/2003	74	Khá

Tổng cộng danh sách này có 32 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	9,4
Tốt	1	3,1
Khá	15	46,9
TB	11	34,4
Yếu	1	3,1
Kém	1	3,1

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.22 - Lớp 1 (DTU1221)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122480001	Lê Đức	Anh	28/07/2003	100	Xuất sắc
2	3122480002	Dương Hồng	Ân	18/11/2004	78	Khá
3	3122480003	Lê Duy	Bảo	12/04/2004	79	Khá
4	3122480004	Nguyễn Chí	Bằng	03/09/2003	69	Khá
5	3122480005	Đỗ Bảo	Châu	11/12/2004	64	Trung bình
6	3122480006	Phạm Kim	Chung	22/03/2004	77	Khá
7	3122480007	Mai Hoàng Minh	Công	18/08/2004	53	Trung bình
8	3122480008	Phạm Thành	Danh	04/11/2004	59	Trung bình
9	3122480009	Nguyễn Văn	Dũng	13/02/2004	60	Trung bình
10	3122480010	Châu Hoàng	Duy	01/02/2004	75	Khá
11	3122480011	Đào Trương Anh	Duy	12/11/2004	53	Trung bình
12	3122480012	Nguyễn Phát	Đại	28/08/2003	60	Trung bình
13	3122480013	Nguyễn Hoàng	Đạt	24/06/2004	60	Trung bình
14	3122480014	Nguyễn Nhất	Đăng	13/07/2004	0	Kém
15	3122480015	Lê Quang	Hà	16/12/2004	58	Trung bình
16	3122480017	Trần Thanh Trúc	Hân	03/01/2004	73	Khá
17	3122480018	Đặng Ngọc	Hoài	31/03/2003	63	Trung bình
18	3122480019	Dương Gia	Huy	15/10/2004	58	Trung bình
19	3122480020	Lý Gia	Huy	15/12/2004	65	Khá
20	3122480021	Nguyễn Duy	Hung	19/07/2004	57	Trung bình
21	3122480022	Bùi Hữu	Hường	10/02/2004	53	Trung bình
22	3122480024	Lê Gia	Khánh	10/05/2004	50	Trung bình
23	3122480025	Nguyễn Quốc	Khánh	29/08/2004	73	Khá
24	3122480026	Ngô Nguyễn Anh	Khoa	15/10/2004	61	Trung bình
25	3122480027	Nguyễn Văn Phúc	Khôi	04/12/2003	60	Trung bình
26	3122480028	Nguyễn Duy	Kiên	07/02/2004	68	Khá
27	3122480029	Nguyễn Huỳnh	Lâm	08/09/2004	61	Trung bình
28	3122480030	Lê Thành	Lộc	18/08/2004	56	Trung bình
29	3122480031	Lê Công Anh	Minh	29/01/1999	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.22 - Lớp 1 (DTU1221)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122480032	Lê Tấn Nhật	Minh	08/06/2004	59	Trung bình
31	3122480033	Trần Hoàng	Minh	28/02/2004	66	Khá
32	3122480034	Nguyễn Thành	Nam	01/05/2004	74	Khá
33	3122480035	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	23/09/2003	78	Khá
34	3122480036	Dương Nguyễn Kim	Ngọc	17/01/2004	68	Khá
35	3122480037	Nguyễn Thúy	Ngọc	06/02/2004	72	Khá
36	3122480038	Nguyễn Đình Quỳnh	Nhi	17/12/2004	56	Trung bình
37	3122480039	Trương Thị Ngọc	Nhi	10/05/2004	71	Khá
38	3122480041	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	04/07/2004	76	Khá
39	3122480042	Bùi Tấn	Phát	09/09/2004	87	Tốt
40	3122480043	Nguyễn Trường	Phát	31/12/2004	60	Trung bình
41	3122480044	Nguyễn Đình	Phong	22/02/2004	77	Khá
42	3122480045	Mai Hoàng	Phúc	17/04/2004	70	Khá
43	3122480046	Nguyễn Trần	Phúc	20/08/2004	65	Khá
44	3122480047	Đoàn Nữ Anh	Phương	28/06/2004	0	Kém
45	3122480048	Nguyễn Thị Bích	Phương	13/10/2004	69	Khá
46	3122480049	Đinh Hoàng	Quân	30/10/2004	70	Khá
47	3122480050	Ngô Sĩ Hoàng	Quý	11/10/2004	97	Xuất sắc
48	3122480051	Đỗ Như	Quỳnh	03/02/2004	77	Khá
49	3122480052	Tổng Văn	Son	08/01/2004	53	Trung bình
50	3122480053	Huỳnh Vũ Minh	Tân	08/12/2004	69	Khá
51	3122480054	Võ Minh	Tấn	29/11/2004	100	Xuất sắc
52	3122480055	Lê Thị Hoài	Thanh	29/04/2004	84	Tốt
53	3122480056	Bùi Minh	Thành	09/03/2004	63	Trung bình
54	3122480057	Đoàn Thùy	Thảo	13/05/2004	68	Khá
55	3122480058	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/04/2004	87	Tốt
56	3122480059	Lê Đình	Thắm	10/12/2001	85	Tốt
57	3122480060	Nguyễn Hữu	Thiện	10/09/1993	51	Trung bình
58	3122480061	Phan Lê Thuyên	Thuyên	23/02/2004	55	Trung bình
59	3122480062	Đỗ Ngọc Minh	Thư	11/01/2003	100	Xuất sắc



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Toán ứng dụng - K.22 - Lớp 1 (DTU1221)

Khoa: Toán - ứng dụng (TD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122480063	Nguyễn Văn Hoài	Thương	07/06/2004	100	Xuất sắc
61	3122480064	Trần Dương Thanh	Thương	03/10/2004	54	Trung bình
62	3122480065	Hồ Mộng	Thy	16/07/2004	60	Trung bình
63	3122480066	Phan Thị Mai	Thy	29/06/2004	67	Khá
64	3122480067	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	19/01/2004	85	Tốt
65	3122480068	Trần Quốc	Tiến	29/08/2004	0	Kém
66	3122480069	Lữ Anh	Tín	23/07/1994	61	Trung bình
67	3122480070	Nguyễn Văn	Triệu	14/08/2003	0	Kém
68	3122480072	Phạm Thanh	Trúc	28/05/2004	80	Tốt
69	3122480073	Hoàng Mai Thanh	Trúc	02/10/2003	63	Trung bình
70	3122480074	Ngô Cẩm	Trúc	26/02/2004	73	Khá
71	3122480075	Phan Thị Thanh	Tuyền	30/07/2004	82	Tốt
72	3122480076	Thân Thanh	Vinh	07/08/2004	78	Khá
73	3122480077	Vũ Đoàn Đức	Vinh	03/11/2004	53	Trung bình
74	3122480078	Nguyễn Khắc	Vũ	28/01/2004	60	Trung bình
75	3122480079	Trần Huy	Vũ	01/05/2004	61	Trung bình
76	3122480080	Võ Văn Truyền	Vũ	24/11/2004	66	Khá
77	3122480081	Phan Thị Trúc	Vy	23/11/2003	71	Khá
78	3122480082	Võ Thị Triệu	Vy	21/12/2004	68	Khá
79	3122480083	Nguyễn Thị	Yến	28/11/2004	93	Xuất sắc

Tổng cộng danh sách này có 79 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	6	7,6
Tốt	7	8,9
Khá	31	39,2
TB	31	39,2
Yếu	0	0,0
Kém	4	5,1

TS. Võ Văn Thật